



TRƯƠNG TỬU

**UÔNG RƯỢU
VỚI TẢN ĐÀ**

*Phê bình và định giá một thi sĩ
đại biểu cuối cùng của thơ cũ Việt Nam*



**ĐẠI ĐỒNG THƯ XÃ
HANOI**



UỐNG RƯỢU VỚI TÀN ĐÀ

Trương Tửu

**ĐẠI ĐỒNG THƯ XÃ
XUẤT BẢN 1939**

UỐNG RƯỢU VỚI TẢN ĐÀ

Trương Tửu

bìa: *Muôn Phương*

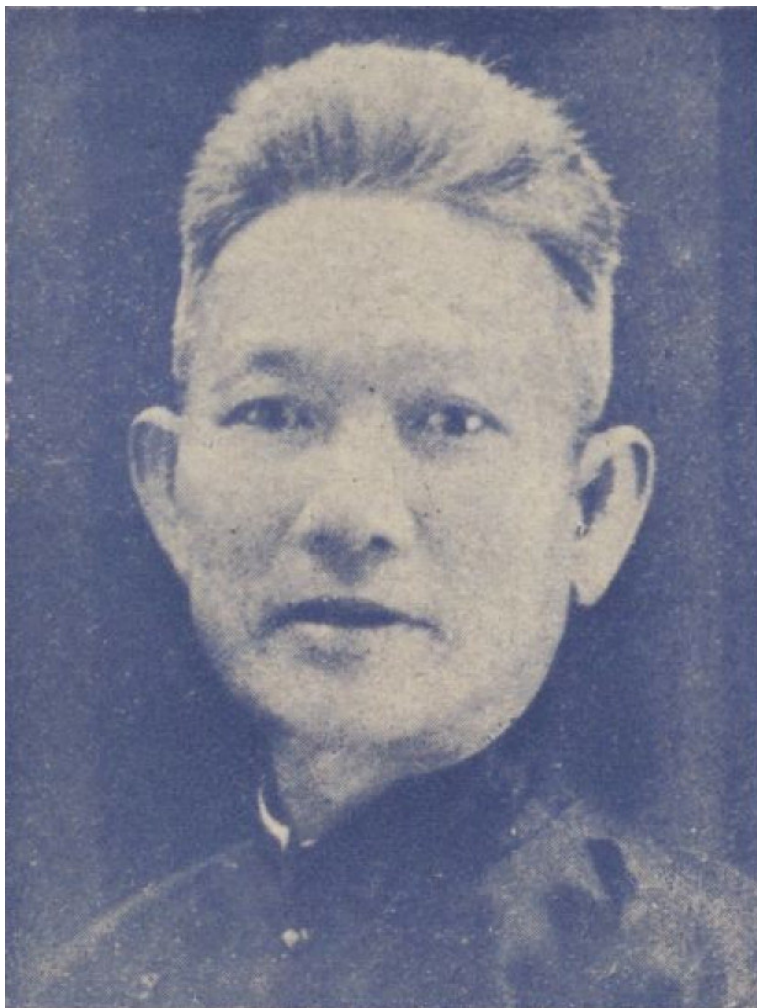
trình bày: ***Muôn Phương***

nguồn: *Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

Uống rượu
với Tản Đà

TRƯƠNG TỬU



Tân Đà - 1939

1.- BỮA RƯỢU TAM ĐỈNH

Thi sĩ giót rượu mời chúng tôi:

– Thứ rượu này có ngâm đản sâm và đương quy, uống đậm giọng mà lại không hại sức khỏe. Hai ông cứ uống thật say không rức đầu chóng mặt gì đâu mà ngại.

Chúng tôi chưa kịp đáp lời, cụ đã lại nói tiếp:

– Để hôm nay, tôi xào nấu lấy các thức ăn, hai ông xem. Tôi làm bếp có phần lại giỏi hơn làm văn... (cười và quay lại gọi gia nhân) Này! Anh nhỏ, anh đặt cái hỏa lò nhỏ lên bàn này tôi... Được rồi! Anh đặt luôn cái soong chảo dê này lên trên cái hỏa lò nhỏ kia, cho thêm tý mỡ vào... Được rồi!

Bây giờ anh nhóm lửa cái hỏa lò to kia lên để nấu canh, húp cho đã rượu.. (cười và quay về chúng tôi) Kìa! Hai ông sơi rượu tự nhiên đi... Đấy ăn trên lửa có phải ngon không? (cười to) Một bữa rượu, ba cái hỏa lò! Sang thật! Ngày xưa vua chúa dùng ngũ đỉnh, hôm nay ta cũng dùng tam đỉnh, chứ thua gì!

Thi sĩ chấm hết câu pha trò ngông ấy bằng một chuỗi cười lớn, nở nang, ròn tan. Tiếng cười đủ tố giác một tâm hồn cao quý, thẳng thắn và chân thành. Bao nhiêu tình yêu đời tha thiết, cụ đem phổ hoang phí cả vào tiếng cười ấm áp...

Đáp lại thịnh tình của chủ nhân, bạn tôi, ông Nguyễn Đình Lạp, nghiêng mình thưa:

– Chúng tôi được hầu rượu cụ hôm nay thật lấy làm hân hạnh và vui vẻ lắm.

Tôi tiếp lời bạn, thân mật hơn:

– Chúng tôi không ngờ rằng nhà thơ tài hoa của núi Tản sông Đà lại nấu nướng thức ăn có nghệ thuật đến thế.

Một nụ cười đặc ý nở kín đáo trên môi thi sĩ:

– Ấy tôi cũng đang tính cho xuất bản một quyển sách dạy nấu ăn lấy tên là Tản Đà thực phẩm. Trong sách dạy cách chế biến các món thế nào cho người rất ít tiền cũng có thể ăn ngon được. Còn những người giàu sang thì mặc họ! Mình cần chú trọng vào người nghèo hơn...

Tôi tán thành:

– Vâng cụ nghĩ thế rất phải. Cụ nên cho xuất bản sách ấy chóng ngày nào hay ngày ấy. Chính chúng tôi đây cũng chờ quyển sách đó để nhờ nó mà có thể sành thêm chút ít trong sự nếm. Và không khéo,

chúng tôi sẽ thành những tay đầu bếp giỏi cả cũng nên.

Cụ cười vang. Chúng tôi cũng cười. Tiếng cười làm nóng cả không khí ẩm đậm của gian nhà vắng vẻ¹. Cụ lại giót một tuần rượu nữa mời chúng tôi. Chén tạc, chén thù, cụ thuật cho chúng tôi nghe những quãng đời phong trần đã nếm trải. Giọng nói của thi sĩ khi trầm hùng, khi lâm ly làm sống hẳn lại cả một thời dĩ vãng. Nhờ những câu chuyện tâm sự ấy, chúng tôi hiểu thêm thi sĩ và cũng yêu thêm một người có công lớn với văn chương Việt Nam hiện tại.

Câu chuyện tâm tình, dần dần, chuyển sang địa hạt triết lý. Sau khi thuật lại một vài mẩu đời luân lạc, thi sĩ nói như để kết luận:

– Ở đời, tôi tưởng nên biết thưởng

1 Chúng tôi uống rượu ở trên gác căn nhà số 417 tại Bạch Mai, chỗ cụ Tản Đà mở phòng xem số Hà Lạc và dạy hán văn.

thức một thứ một chút và cốt nhất là phải thưởng thức cho sành, nhất là cái ăn cái uống. Hai ông tính, người ta sống được bao năm? Chẳng tiêu pha cuộc đời cho mãi ý lúc chết hai tay buông xuôi, hối tiếc cũng bằng thừa. Tuổi xuân của con người mấy lúc mà tàn! Tôi cứ xem như tôi đây vừa dạo nào còn là một thư sinh mà bây giờ đầu đã bạc cả rồi!

Lời nói chứa đầy một tiếc nhớ mệnh mang. Trong cặp mắt mơ mộng của thi sĩ, lớn vờn hình bóng xa mù của những năm, tháng không bao giờ trở lại nữa... Tự nhiên, tôi thấy bị xâm chiếm bởi những viễn ảnh buồn tênh của tiêu vong. Tiệc rượu lạnh hản đi!

Bỗng từ dưới đường cái vẳng lên một âm nhạc vô cùng ai oán. Chúng tôi giật mình, mở cửa kính, ghé mình nom xuống.

Một đám ma!

Tiếng kèn trống, tiếng hô, nhị, tiếng khóc than làn náo động cả hai bên phố xá. Tiết trời cuối đông cũng hình như ngậm một sầu hoài tang tóc . . .

Đám ma đi khỏi, ba chúung tôi lại quay vào bàn rượu, mỗi người bần khoản theo một xúc cảm riêng.

Thi sĩ thở dài nhẹ nhàng:

– Chết thế là hết! Chúng mình rồi cũng chỉ đến thế thôi! Rồi cụ vội hâm nóng gian phòng bằng tiếng cười thân thiết: Sống ngày nào, ta hăng nếm hương vị của đời ngày ấy đã. Chẳng ăn chẳng uống, lúc chết như người xấu số kia có đem theo được gì đâu? Kia! Mời hai ông sôi rượu đi! Giá ta được một tảng thịt lợn quay vừa mới khiêng qua mà đánh chén thì thú nhỉ! Hai ông! Ta cạn chén!

Trong câu bông lơn vô tình, thi sĩ để lộ

một bản tính ưa hỷ lạc đến cực điểm. Tôi tưởng sắp hô lớn như anh chàng Pantagruel của Rabelais: « Hỷ Lạc muôn năm! Rượu muôn năm! »

Nhưng không.

Thi sĩ là người của phương đông trầm nghị.

Cụ yêu hỷ lạc, yêu sống, yêu rượu có lẽ tha thiết hơn anh chàng Pantagruel. Nhưng cụ yêu có nghệ thuật. Yêu đắm thắm mà không rầm rĩ nồng nàn mà không thô kệch. Yêu với tất cả khiếu kiểm soát mình miễn của thiên lương.

Thi sĩ Tản Đà yêu đời, yêu hỷ lạc, yêu rượu theo kiểu một tín đồ sang suốt của EPICURE. Cụ là người bằng giác quan nhưng cũng là người bằng khối óc. Hai cái đó bổ túc nhau, sát hạch nhau, điều khiển nhau gây thành một thẳng bằng về sinh

lực, riêng biệt của người épicurien. Các bạn đọc sẽ thấy, ở những trang theo đây, thơ Tản Đà chỉ là tiếng nói thông thái và trác luyện của con người épicurien ấy.

* * *

Tản Đà sinh tại Nam Định, phố hàng Thao, ngày hai mươi bảy tháng tư, năm Thành Thái nguyên niên (1889) tính đến nay, cụ vừa chẵn 50 tuổi. Người cụ đã yếu, đầu đã bạc và hói. Cụ vốn dòng giới quyền quý, hấp thụ nho giáo từ bé. Như lời cụ thuật lại, tổ tiên xưa kia vẫn làm quan dưới triều Lê. Cặp đến lúc nhà Nguyễn thế chân triều Lê, các ngài thế với nhau quyết không bao giờ chịu ra làm quan nữa. Đến đời thân sinh của thi sĩ, lời thế ấy bị phụ. Vì gia đình bần bách, thân sinh cụ — Nguyễn Danh Kế tiên sinh — phải đi đánh quay đất để nuôi mẹ già. Nghĩ khổ cực quá, tiên sinh đành lổi ước với tổ tiên, ra thi và chịu ấn phong

của Nguyễn triều. Tiên sinh làm đến chức Ngự sử trong Kinh, giữ việc án lý. Tục truyền văn án tiên sinh hay lắm. Những lý lẽ tiên sinh dùng để gỡ tội cho bị cáo nhân bao giờ cũng đánh thép, nhiều lần vua Tự Đức đã phải khen. Muốn chứng thực tài văn án của tiên sinh, tôi tưởng không gì bằng thuật lại ở đây một vụ truy tố lý kỳ xảy ra dưới triều Tự Đức, mà trong đó tiên sinh đóng vai ngự sử.

Nguyên hồi ấy, trong cung, vua Tự Đức có nuôi một con hạc rất đẹp. Vua yêu nó lắm đã phong tước Vương cho nó. Ở cổ hạc, lủng lẳng một cái bài ngà. Một buổi chiều kia, hạc ta ngất ngheo ngao du ra ngoài cửa thành và bị cắn chết bởi một con chó của người chủ quán bán hàng cơm gần đấy. Tức thời, chủ quán bị bắt giam và truy tố. Tiên sinh, ở địa vị ngự sử, làm trạng sư cãi cho bị cáo nhân. Bản cãi rất hùng hồn và nhiễm một tính cách trào phúng rất sâu

sắc. Trong đó, có bốn câu dưới đây, lý thú nhất:

Hạc hữu kim bài

Khuyến bất thức tự

Xúc vật tương thương

Hà phương nhân sự?

Dịch nghĩa: Con hạc có đeo kim bài thật, nhưng con chó không biết chữ. Đó là việc loài vật hại lẫn nhau. Việc chi đến người bị tội?

Vua Tự Đức mến phục tài tiên sinh liền truyền tha bổng người chủ quán².

Thuật lại câu chuyện trên đây, tôi chỉ cốt đánh dấu vào thơ Tản Đà một di truyền. Nó sẽ cắt nghĩa tại sao thi sĩ hay luận đến triết học, hay bàn đến nhân sự. Nó sẽ giúp

² Truyện này và mấy câu thơ ấy, chính cụ Tản Đà thuật lại với chúng tôi.

ta hiểu nho cốt của thơ Tản Đà. Nó sẽ định giá những mộng nhớn mộng con, tình to tình nhỏ của nhà thơ Nguyễn Khắc Hiếu.

* * *

Ta đã có thể nhận thấy ở Tản Đà:

1) Một bản tính épicurien

2) Một di truyền nho cốt,

Với hai yếu tố tinh thần ấy, một người có thể thành được chân thi sĩ không? Cụ Tản Đà là thi sĩ ở độ mực nào?

Quyển phê bình nhỏ này viết ra để trả lời minh bạch hai câu hỏi đó,

II – CÔ HÀNG TẠP HÓA

Năm mười chín tuổi, cậu ấm Hiếu theo ông anh về Hanoi tòng học tại trường Quy Thúc phố Gia Ngư. Hồi ấy « ở phố hàng Bồ số nhà hơn hai mươi về dãy bên lẻ có một người con gái ngồi bán hàng tạp hóa, không biết có phải là tuyệt sắc hay không mà tự con mắt mình khi bấy giờ thì như ngoài người ấy không có ai là con gái »³

Vốn giống tài hoa, thơ sinh cảm thấy ở giai nhân một trái tim đồng điệu. Trong tâm hồn tứ thư ngũ kinh của người thiếu niên thế phiệt ấy tình yêu lảng lơ nấn một phím đàn. Theo tiếng huyền ân ái, thơ bắt

3 trích trong tập Giác mộng lớn của Tản Đà

đầu len vào cuộc đời hoa mộng của cậu học trò ngoan ngoãn. Từ đấy, « mỗi buổi chiều tan học ở Gia Ngư về phố hàng Nón, trừ phi giờ mưa gió, thường tất phải đi quanh qua phố hàng Bồ⁴.

Bạn đọc chớ vội cười! Trong lối đào nguyên ai chẳng thế? Khỏe mắt thân tình, nụ cười giăng gió vốn từ ngàn xưa vẫn là a, b, c, của nghệ thuật yêu đương. Rồi sớm mặn tối đảo, rồi trăng thể quạt ước... kẻ thư sinh khắc khoải vẫn hàng mong diễn lại lớp trò đầu của tích chàng Kim ả Thúy.

« Tắm lòng ao ước ngỏ cùng một người anh em bạn học đồng canh. Người bạn đi nói giúp việc mối. Cú bên nhà người con gái thời việc có nhẽ xong; bên nhà mình thời ông anh chỉ bảo một câu rằng: “nhà ta nghèo như thế lấy đâu được song mã mà cưới?”⁵

4 trích trong tập Giấc mộng lớn của Tản Đà

5 trích trong tập Giấc mộng lớn của Tản Đà

Tình duyên đành gác một bên, cậu ấm thất vọng theo ông anh về phủ Vĩnh Tường, quyết chuyên tâm vào sự học, những mong tiền đồ khoa cử sẽ đem lại cho mình cảnh võng anh đi trước võng nàng theo sau.

Đằng đẳng bốn năm trời, trong trái tim đau, khách si tình, vẫn ấp ủ hình bóng ưu tư của cô hàng tạp hóa.

« Đến lúc thi hổng luôn hai khóa mà ý trung nhân xuất giá thời đời đáng chán hay không đáng chán cũng chẳng đợi cắt chén quỳnh mà hỏi bạn tri âm »⁶

Thất vọng thành tuyệt vọng. Tiếng đàn ân ái chuyển sang điệu u hoài. Khách tài hoa ôm một tiếc hận nặng nề, nghìn thu không cởi được.

Một tiếng thở dài não nuột từ thâm tâm thư sinh vẳng ra: Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi! Ngân rên trong tịch mịch của

⁶ trích trong tập Giấc mộng lớn của Tản Đà

đêm thu, nó báo hiệu KHỔ TÌNH CON
trong sổ văn chương Việt Nam hiện đại,
nó khai ngày sinh của thi sĩ TẢN ĐÀ.

Rồi, những đêm giăng hiu quạnh, thi
sĩ để bay trên mặt giấy những vần thơ ai
oán:

Bồn chồn chín khúc cơn mưa lạnh

Đòi đoạn năm canh bóng nguyệt mờ

Kìa con én trắng đâu đâu lại

Giục cái thoi vàng chóng chóng qua

Buồn quán mảnh trăng, trăng chẳng thấy...

Bèo nước hợp tan người mỗi nẻo

Cây ai mà nhẵn một đôi câu...

*Một vùng trăng khuất đi mà đứng
Một lá manh treo quẩn lại buông
Ngồi hết đêm xuôi, xuôi chẳng hết
Chùa ai xa điểm mấy hồi chuông*

*Trận gió thu phong rụng lá vàng
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang
Vàng bay mấy là năm già nữa
Hờ hững ai xui thiệp phụ chàng?*

*Vì ai cho tớ cứ lênh dên!
Nặng lắm ai ơ một gánh tình!*⁷

7 Trích trong tập *Khối tình con* xuất bản năm 1918.

Toàn những lời thất vọng, trách móc, thở than! Trong thơ ta gặp cả một linh hồn tê tái. Ta muốn ơn cô hàng tạp hóa phố Hàng Bô, nàng ELVIRE của thi sĩ Tản Đà. Nhờ cô, ta được ngâm bao nhiêu vần thơ trác tuyệt chan chứa một hận tình thắc mắc. Trong suốt dọc đời thi sĩ, tể Chiêu Quân ở chùa Non Tiên hay khóc Thúy Kiều bạc mệnh, thương nhớ người tình nhân không quen biết hay mơ tưởng đến cố hữu Chu Kiều Oanh... những đề hứng buồn và đẹp ấy đều bắt nguồn trong giấc mộng phù hoa thứ nhất của cậu học trò mười chín tuổi. Thi sĩ có đa tình là chỉ đa tình với kỷ niệm ái ân đầu tiên ấy. Bao nhiêu năm chìm nổi cũng không xóa nhòa được hình ảnh thân yêu của người hồng phấn nữ, phố Hàng Bô.

Lịch sử văn học đã chứng thực nhiều lần mối quan hệ mật thiết của tình yêu đầu tiên đối với nhà văn nhất là nhà thơ. Khi nhà thơ mới lớn, trái tim và khối óc đang trắng phau, một cái gì lấn qua là in dấu vết lại không tài nào gột sạch. Huống hồ lại là vết yêu đương! Một bóng giai nhân, lúc đó, có thể định đoạt được cả một kiếp người.

Ở đây tôi chỉ đơn cử một chứng cứ văn chương để làm sáng điều tôi vừa ký nhận. Một chứng cứ rất thú vị chưa từng thấy trong thi giới ta. Tôi muốn nói cái tình duyên đầu tiên của Beaudelaire. Năm ấy thi sĩ mười tám tuổi và thường cùng một người bạn Privat d'Anglemonl lui tới một tửu lâu hạ cấp phố La Harpe (Paris). Ở chốn này thi sĩ được biết một gái đĩ người Do Thái tên là Sarah. Về đức hạnh kỹ nữ, thi sĩ đã tả rất chua chát trong một câu: « Nàng đã bán rẻ linh hồn để mua một đôi giày. » Các nhà văn học sử cận đại đều đồng ý cho người

gái dĩ Do Thái ấy là nguồn cảm hứng của tập thơ tuyệt tác *Fleurs du mal*. Ta hằng nghe nói về cuộc đi lại ghê sợ ấy:

Elle louche, et l'effet de ce regard étrange

*Qu'ombragent des cils noirs plus longs que
ceux d'un ange*

*Est tel que tous les yeux pour qui l'on s'est
damné*

Ne valent pour moi son œil juif et cerné.

Elle n'a que vingt ans; la gorge déjà basse

Pend de chaque côté comme une calebasse

*Et pourtant me traînant chaque nuit sur son
corps*

*Ainsi qu'un nouveau né, je la tette et la
mords.*

*Et bien qu'elle n'ait pas souvent même une
obole*

*Pour se frotter la chair et pour s'indire
l'épaule*

Je la lèche en silence, avec plus de ferveur

*Que Madeleine en feu les deux pieds du Sau-
veur*

Dịch nghĩa:

*Mắt nàng lác, và mãnh lực của cái nhìn kỳ
quái ấy,*

*Cái nhìn bị ẩn dưới bóng những lông mi đen
dài hơn mi của thiên thần Hiệu nghiệm đến
nỗi khiến tôi thấy rằng tất cả những mắt cặp
đẹp đã làm say đắm người đời*

*Đều không giá trị bằng con mắt Do Thái
thâm quảng của nàng.*

*Nàng mới có hai mươi tuổi; mà đôi vú đã trẽ
xuống*

Cheo lưng lẳng ở hai bên ngực như hai quả bầu

Thế mà đêm nào tôi cũng rầy rụa trên thân hình nàng

Như một đứa trẻ mới đẻ, tôi bú và cắn nàng.

Và tuy rằng thường thường nàng chẳng có đến một đồng xu

Để tắm gội xác thịt và tắm dầu đôi vai

Tôi cũng cứ âm thầm liếm thân thể nàng, say mê hơn cả

Nữ thánh Madeleine nhiệt tin quỳ liếm đôi bàn chân đức Cứu thế.

Kết cục, chàng thanh niên hư hỏng ấy bị nàng chuyển cho bệnh hoa liễu. Trong một cuốn sách nói về thân thể và sự nghiệp Beaudelaire, nhà phê bình John Charpentier thuật đến đoạn này, có viết: « tính cách ghê tởm của tấn thảm kịch đó ảnh hưởng

quyết định đến số kiếp thi nhân. Từ đó, Beau delaire cứ tưởng vâng theo những bản tính thân thích khi đắm mình trong cuộc truy hoan Đeo nặng trên lương tâm cái tội gốc, chàng cứ lăn lóc suốt đời trong truy lạc...»⁸ (1) và « Beaudelaire đã viết: « Văn minh không phải ở điện khí, cũng không phải ở hơi nước mà chính ở chỗ làm giảm bớt dấu tích của tội gốc trong lòng người ». Coi đó Beaudelaire tin ở tội lỗi »⁹

Tin tưởng này là nền tảng luân lý của tâm hồn Beaudelaire. Nó cũng là nguồn cảm hứng vô tận của Tập thơ bị người đời kết án, *Les Fleurs du Mal*, chỉ là biểu thị mỹ thuật của tin tưởng ấy. Cũng bởi cô gái đi Do Thái đã đi qua khoảng đời niên thiếu của nhà thi hào bất hủ...

Trái hẳn Beaudelaire, Tản Đà đã gặp

8 Beaudelaire par John Charpentier. Editions Jules Tallandier.

9 như mục 8

một giai nhân hiền hậu. Cậu học trò trường Quy Thúc, lúc thâm yêu trộm nhớ cô hàng tạp hóa phố Hàng Bô, đã làm gì có quan niệm về tình ái. Chàng chỉ yêu trong mộng tưởng. Chung quanh người đẹp, chàng theo dết bao nhiêu ảo ảnh. Đó là một tình yêu tinh thần. Tình yêu của một nhà nho! Rồi khi tình yêu, vì cảnh đời ngang ngửa, không kết quả được thành hôn nhân, thư sinh liền mang nặng trong tâm hồn hình ảnh người yêu với tất cả ảo tưởng đẹp đẽ của nó. Suốt đời, thi sĩ Tản Đà chỉ thờ phụng tình yêu và người yêu ấy. Nhờ hai bảo vật này, tâm hồn nho của nhà thơ thêm nhu nhuyển và đa cảm. Phát hiện tuyệt đối của trạng thái tâm lý đó là bài khóc tế Chiêu quân ở chùa Non tiên.

Giời Nam thẳng kiết là tôi

Chùa tiên đất khách khóc người bên Ngô

Tôi với cô, tôi với cô

Trước sân lễ bạc có mô nào đây

Trong bài tế, thi sĩ để lộ một tâm hồn đa cảm vô cùng tế nhị. Thường người bạc mệnh vùi xương ngàn năm ở đất hổ, thi sĩ cất tiếng ai điệu số kiếp buồn tênh của con người hồng phấn:

Ô hô chiêu quân

Phương cốt hữu tận

U khám vô kỳ

Minh nguyệt độc cử

Ám vân không thủy

dịch nghĩa:

Ô hô nàng chiêu quân!

Năm xương thơm của nàng có thể mất

*Mà mỗi hận u uất của nàng không có
thời hạn nào*

Chỉ có trăng sáng soi thấu

Thì lại bị mây đen che khuất

(Bài tể này làm bằng Hán văn. Đã có bản dịch của ông huyện Nể Xuyên Nguyễn Thiện Kế. Mấy câu trích ở trang bên là của ông huyện Nguyễn. Riêng mấy câu này tôi thấy ở bản dịch lời quốc văn không đạt hết nguyên ý hán văn, nên tôi không trích ra đây. Và tôi tạm dịch xuôi nghĩa để lý hội được chu đáo nguyên ý của tác giả.)

Mấy câu này đủ nói dài về tính chất lãng mạn của thi sĩ Tản Đà, một tâm hồn dễ xúc động, dễ bị đốt nóng bởi những trạng huống lâm ly của đời tài hoa xấu số. Tản Đà khóc Chiêu quân cũng như Nguyễn Du đã khóc Thúy Kiều, Chu Mạnh Trinh khóc Nguyễn Du. Cùng giống đa tình, các bậc thi nhân ấy đã giảng dạy cho người đời một yêu thương mệnh mông và tha thiết, một yêu thương vô tận, không bờ bến, không địa giới.

Ở điểm này, thi sĩ Tản Đà là nối tiếp tinh thần của thơ ca Việt Nam cổ hữu. Trường thơ lãng mạn hiện đại của các ông Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Vỹ ... nhận Tản Đà là người khởi xướng cũng chỉ là công bằng và hợp lý.

* * *

Tình yêu đã đánh thức nàng thơ trong tâm hồn thi sĩ. Thất vọng lại gieo thêm vào một cung điệu nào nùng. Trong mười năm, hơn giữa những gió lốc bụi mù của thế kỷ, nàng thơ ấy đã gây réo rắt cung điệu ấy trong cảnh hoang tàn của bao nhiêu cõi lòng hiu quạnh... Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!...

III. TỐ CÒN CHƠI!

Sau lúc tế nàng Chiêu Quân (1913), từ già các bạn Non tiên, lại xuôi về Nam với Quan Huyện Nẻ Xuyên... Hết xuân sang hạ, ở Nam Định về Sơn Tây rồi vào ở tại ấp Cổ đảng. Trong giấc phù sinh lại sinh xuất có một đoạn rất ly kỳ quái ảo. Ấp Cổ đảng địa phận về hạt huyện Tùng Thiện...; từ tỉnh lị Sơn Tây vào Ấp chừng độ 14 cây số, đất sỏi đường đồi... Mình từ khi ở ấp, bốn bề phong cảnh phải đâu như hàng Nón hàng Bồ, gió hót giăng treo, rừng reo suối chảy. Cái bụng chán đời đến cực điểm, quyết mong tịch cốc để từ trần. Tiếc không nhớ là bắt đầu từ hôm nào

thôi sự ăn cơm, chỉ khát không chịu được
thời còn phải uống nước. Ba hôm như thế,
sầu khổ không thể chịu được nữa, thời lại
phải uống rượu. Rượu uống cũng uống
suông, mà uống đến thật say. Nguyên đã
ba hôm không ăn, trong bụng hư không lại
một phen say rượu mê ly, thành ra từ đấy
về sau khác hẳn từ đấy về trước. Bụng không
biết no không biết đói; người không biết
vui không biết buồn; chỉ cứ mỗi ngày một
bữa rượu, hoặc uống suông hoặc ăn một
đĩa rau dưa nhỏ con; xong rồi đem chõng
ra nằm ở dưới cây ngọc lan, nghe những
con chim kêu trên cành cây hoặc là xem
những đám mây đi trên giời con chim bay
trên không xem kết cục đến đâu là hết...
(Trích trong Giấc mộng lớn của Tản Đà)

Ta tưởng vừa được đọc một đoạn nhật
ký của tín đồ Trang, Lão lấy yếm thế làm
chủ nghĩa, lấy vô vi làm thái độ, lấy ẩn dật
làm trạng thái sinh hoạt.

Đâu phải thế.

« Ở Cổ đảng ba tháng rồi theo mệnh lệnh gia đình phải về trên quê ở. Từ khi về ở quê, đương ăn rau đổi ra ăn thịt. Mỗi ngày cũng chỉ có một bữa ăn; mỗi bữa ăn, hoặc là cái thủ heo hoặc con gà con vịt, hoặc con cá, tất toàn thể đặt trong mâm với con dao đĩa muối; rượu thì uống hũ không uống chai. Bữa ăn cũng rất vô thường; nếu về phần đêm thời có khi thấp hai mươi tám ngọn nến gọi là nhị thập bát tú, thấp bảy ngọn nến gọi là thất tinh đàn. Bữa ăn nếu về phần ngày, thời sau khi ăn xong tất phải có con dao thanh quắm đi chém phạt ít nhiều cành cây như không thể thời không thấy thú sướng... Lại như những con gà con vịt nếu không được tự tay mình cắt tiết thời ăn không thấy ngon... ở nhà quê cũng vừa đúng ba tháng rồi lại phải theo mệnh lệnh gia đình sang phủ Vĩnh Tường để ăn cơm. Trước khi ăn cơm phải học tập ăn

cháo. Một người đàn bà có quen biết là con gái quan tri phủ ở đó có nhắn: « ông ấm đã biết ăn cơm chưa? » (Trích trong Giấc mộng lớn.)

Mấy lời tự thuật này phải của một tín đồ EPICURE, tôn thờ khoái lạc. Chính tư tưởng tôn thờ khoái lạc này, phần lớn, đã xua đuổi trạng thái chán đời ra khỏi tâm hồn thi sĩ Tản Đà. Nó đem vào cuộc sinh hoạt của ông ấm Hiếu một số lượng vô tư lự rất cần thiết cho việc hưởng thụ khoái lạc. Nó được kết tinh rõ rệt nhất trong bài thơ Còn chơi của nhà épicurien Nguyễn Khắc Hiếu. Và luôn luôn nó làm giường cột luân lý cho đời thi sĩ.

Tư tưởng épicurien ấy, ở Tản Đà, phát lộ ra trong ba tâm lý:

1.) Sợ già

2) Sợ chết

3) Khát sống

Bởi sợ già nên tiếc xuân. Bởi sợ chết nên khát sống. Bởi khát sống, mà sự sống lại vô tận, nên phải đem rất nhiều nghệ thuật vào cách sống. Mục đích là hưởng được rất nhiều khoái lạc trong một thời gian rất ngắn – đời người.

« Người có tình, xuân không có tình. Mình tiếc xuân, xuân tiếc chỉ mình; mình thương xuân, xuân chẳng thương mình, thời mình thương tiếc mình nên hơn tiếc xuân.

Xuân kia sáu bảy mươi lần

Của giờ tham được độ ngân ấy thôi

Chơi hoang mất nửa đi rồi

Ngẩn ngơ ngồi nghĩ thân đời mà lo

Trông gương luống đã thẹn thờ

Một mai tóc bạc vai gù mới dơ

Thương thay! xuân chẳng đợi chờ

Tiệc thay xưa những hững hờ với xuân

Trăm nghìn gửi lạy đông quân

Hãy khoan khoan tới hãy dần dần lui

Lượng xuân xin chớ hẹp hòi

(Trích trong quyển Khối tình con bản
phụ)

Tình yêu đời thật là tha thiết, thật là đắm đuối! Nó được hàm dưỡng trong tâm hồn rất phong phú, ca tụng trong thơ ca rất đắm thắm, ứng dụng vào thuật sống rất ham mê. Nhưng ở Tản Đà, nó khuynh về vật chất nhiều hơn về tinh thần. Ăn ngon, uống rượu ngon, nghe nhiều, trông nhiều, đi nhiều, nói nhiều, cười nhiều... hưởng thú hương phấn nhiều, tất cả Tản Đà ở chữ nhiều ấy, hoặc nói đúng hơn, ở chỗ nỗ lực

đi đến cái nhiều ấy. Nhưng đây là cái nhiều có tổ chức, có mỹ thuật, phức tạp mà chẳng bộn bề, chồng chất mà không hỗn độn.

Ta hằng nghe thi sĩ épicurien bàn về sự ăn ngon:

« Đồ ăn không ngon thời không ngon, giờ ăn không ngon thời không ngon, chỗ ngồi ăn không ngon thời không ngon, không được người cùng ăn cho ngon thời không ngon. Ăn mà có lo nghĩ sao cho ngon? Có tức giận sao cho ngon? Có sợ hãi sao cho ngon? Có thương tủi sao cho ngon? Có hổ thẹn sao cho ngon? »

Ta lại nghe luận về văn chương:

« Văn chương có giống như mâm gói. Đĩa cá lạng, đĩa giấm ngọt thời người thường để ăn, còn miếng mắt miếng xương phải đợi con nhà gói.

Văn chương có giống như thịt chim.
Xào, đun, nướng chả thì dễ chín, hấp
cách thủy lửa không đến mà nhừ hơn »

Thật là duy vật hết chỗ nói!

Thêm vào những lời ấy, vài câu thơ nữa:

Thế sự nhất phù vân chi cảnh

Những ai mê ai tỉnh đã ai ai?

Khéo vô đoan khóc hã lại thương hoài

Thú trần giới có ăn chơi là bực nhất...

ta sẽ có một chân dung trăm phần trăm của
người épicurien.

*Tớ còn chơi! Đời chưa chán tớ tớ còn
chơi!...* Đó là điệp khúc thân yêu của nhà
thơ duy vật ấy! Nguyễn Công Trứ, Hồ Xuân
Hương... hẳn được hả hê có một người tiếp
tục như Tản Đà.

Đã yêu cái sống vật chất đến say sưa, đã bận óc mưu toan cách sống cho được hưởng nhiều khoái lạc, tất nhiên không bao giờ tâm hồn bay bổng lên những tầng tinh thần cao thẳm. Bởi vậy, thơ Tản Đà thiếu cánh. Nó không phải là con hạc lượn khúc trên đám mây. Nó là con sơn ca nhảy nhót trên cành. Nó không là con chim bằng cưỡi gió vượt trùng dương. Nó là con sẻ tinh khôn biết tìm đến những vựa thóc thơm ngon. Nó nhiều cảm giác hơn cảm tình, nhiều cảm tình hơn tư tưởng. Nó thiếu nghị lực, thiếu thần bí.

Đối với Tản Đà cái quan trọng là sự sống – một biến cảm giác; thơ ca chỉ là những bến vui rải rác men bờ. Tản Đà không phải là một thi nhân thuần túy. Tản Đà chỉ là một khách tài hoa lạc vào thi giới.

IV. ĐỜI ĐÁNG CHÁN HAY KHÔNG ĐÁNG CHÁN

Cất chén quỳnh riêng hỏi bạn tri âm Ai là bạn tri âm của con người tài hoa ấy? Nàng Chu Kiều Oanh trong Giấc mộng con hay kỹ nữ Vân Anh trong Thể non nước?

Không!

Bạn tri âm của Tản Đà chính là nhà nho Nguyễn Khắc Hiếu.

Đời đáng chán biết thôi là đủ

Sự chán đời xin nhủ lại tri âm

Nên chăng? Nghĩ lại kẻ nhâm.

Nên chẳng? Thi sĩ trả lời nên!; nhà nho trả lời: không! Nhà nho đã thắng. Thắng rất dễ dàng vì thi sĩ, ngoài một vài phút quá chán chương, cũng phản đối tư tưởng chán đời. Thi sĩ là một người épicurien.

Có điều khác là thi sĩ yêu đời để chơi và hưởng thụ khoái lạc; còn nhà nho yêu đời để phụng sự đạo thánh hiền. Trong mỗi nho sĩ đều có một hoài bão kinh bang tế thế. Trong đầu óc nho sĩ Nguyễn Khắc Hiếu thì cái mộng Y doãn, Chu công lại càng quả quyết lắm.

« Khoảng năm mười một mười hai tuổi, học ông anh ở nhà, có câu đối ra rằng:

Nhiếp hồ đại quốc chi gian

Đối

Ngật như cự nhân chi chí. »

(Giấc mộng lớn.)

Cậu học trò mười một, mười hai tuổi mà khẩu khí đã hùng thế, tất phải dùng cuộc đời vào việc đẩy xe Khổng Khâu đi hành đạo. Chẳng may, đã không được mặc áo xanh, lại để mất người hồng phấn, cậu học trò nhỏ ấy đành xếp mộng Y, Chu một nơi, chôn vào ấp Cổ đảng làm anh chàng yếm thế.

Chợt đến « sang đầu năm Duy Tân thứ mười, ông anh tạ thế đến tháng năm năm ấy một người cháu ruột lại từ trần; cái cảnh bi thương trong gia đình hợp với cái cảnh ngộ bản hàn của thân thế, khiến cho kẻ chán đời chẳng được thời lại phải tùy thời tùy thế mà sinh nhai lối dọc đường ngang ». (Giấc mộng lớn.)

Đời thực tại đánh tan cái vầng chán đời trong tâm hồn nho sĩ và để lộ hẳn ra bản chất thực nghiệm di truyền của cậu ấm nhà họ Nguyễn. Sinh nhai lối dọc đường

ngang, thi sĩ phải mang thơ văn làm hàng buôn bán.

« Hai phen diễn kịch ở Hanoi, Haiphong, cùng là các thứ sách, truyện Khỗi tình con, Giấc mộng con, Khỗi tình chinh, phụ, Đài gương kinh truyện, Lên sáu, Lên tám đều là những công việc làm ăn trong khoảng mấy năm nay vậy. »

Hoàn cảnh gia đình đã khôi phục tinh thần thực nghiệm trong tâm trí chàng thư sinh nghèo nàn ấy. Phải lăn mình vào cuộc sống để thỏa mãn những nhu cầu vật chất của gia đình, chàng không còn thời giờ mà thở than, buồn rầu, mơ mộng nữa. Muốn tranh sống phải thiết thực. Lãng mạn là thất bại. Luật chiến đấu này đã kích thích chàng rất mạnh. Bao nhiêu tính chất thực nghiệm của di truyền, phút chốc, chồm dậy đòi quyền giám đốc, bấy lâu nay bị năng thơ chiếm đoạt.

Người thanh niên nho sĩ của chúng ta vội đi tìm những món ăn tinh thần mới để đủ sức tự ứng dụng vào hoàn cảnh mới. Chàng tìm đến nhà kinh tế học Anh cát lợi Stuart Mill, một tín đồ hăng hái của chủ nghĩa thực dụng (utilitarisme).

« Trong các thứ sách dịch, có một quyển đáng nhớ hơn là quyển Quyền giới luận. Quyền sách này nguyên là của người nước Anh là Stuart Mill làm ra, người Tàu là Nghiêm Phục đứng dịch. Xem sách thời tự thấy có ích cho mình về tinh thần tiến thủ. »

Ở Tân Đà, nhà nho thực nghiệm đã thắng lãng mạn. Sự chán đời trở thành vô nghĩa lý.

Dần dần, trong công việc làm ăn của nhà nho Nguyễn Khắc Hiếu, phôi thai một hoài bão vốn đã có hạt giống từ lâu — cái mộng làm Chu Công, Y doãn. Nho sĩ muốn

giúp ích cho xã hội. Tinh thần thực nghiệm
nhuộm màu hiền triết.

*Thiên Tào tra sổ xét vừa xong
Đệ sổ lên trình Thượng đế trông:
« Bẩm quả có tên Nguyễn Khắc Hiếu
Đầy xuống hạ giới về tội Ngông »
Trời rằng: “ không phải là Trời đầy
Trời định sai con một việc này
Là việc thiên lương của nhân loại
Cho con xuống thuật cùng đời hay ».*

Nho sĩ đeo lên vai một sứ mệnh. Nhìn
quanh ngó quẩn thấy thiên hạ bộn bề, mặt
đất thênh thang không bờ bến, chàng lo
ngại cho công việc thi hành sứ mệnh của
mình. Chàng vội thu hẹp phạm vi hoạt
động vào một cõi. Nhân loại thu hẹp trong
biên giới quốc gia. Lòng yêu đời biến thành
lòng yêu nước.

... Vào chơi đất Trung kỳ ... rộng mắt nhân dân, sơn hải mà nặng lòng chủng tộc giang sơn. Chèo lên đỉnh núi Hoành sơn mà trông quanh ngoài bể trong non có hơn như phục dưới đèn xanh đọc một thiên luận thuyết tự tôn vậy ».

Kết quả của những tư tưởng, tâm trạng ấy là một ly dị triệt để giữa nhà nho và thi sĩ trong linh hồn Tản Đà. Từ đấy về sau, mười mấy năm trời, lúc ta nghe người thanh niên bông bột ấy diễn thuyết ở hội Trí Tri, lúc ta gặp chàng đứng làm chủ bút tạp chí Hữu Thanh, lúc ta thấy chàng chủ trương Annam tạp chí, lúc ta đọc văn chàng trên tờ Đông pháp thời báo ở Saigon ... Trên vũ đài bút mực, chàng gắng công hoạt động với tất cả tài năng nghị lực của mình. Và chàng sung sướng thấy nguyện vọng được một đôi phần thực hiện.

Tôi viết: một đôi phần. Tôi nghĩ đến

mấy bản dịch thuật: Đại học, Kinh thi, Đài gương truyện. Thực ra, trong công cuộc xuất bản sách và báo, nhà nho Nguyễn Khắc Hiếu chỉ gặp toàn thất bại.

Từ Bắc vào Nam, rồi lại từ Nam ra Bắc, mấy phen lận đận với nghề cầm bút, nho sĩ tự thấy thiếu nhiều điều kiện tinh thần để thành công. Trong thế kỷ có những quy tắc gang thép này, muốn thắng, phải nhanh nhẹn, căn cơ gian hùng, độc ác, tàn nhẫn. Tóm lại phải có đủ đức tính của một người hoạt động. đủ mưu mô mềm cứng của một kẻ kinh doanh. Nho sĩ của chúng ta thiếu tất cả những điều kiện đó nên thất bại. Chàng có phải là một nhà kinh doanh đâu! Chàng chỉ là một khách tài hoa lạc vào địa hạt thương trường. Chàng cũng chẳng phải là một người hoạt động. Chàng chỉ là một kẻ giang hồ hăm hở ghé bến Y, Chu ít lâu rồi lại xuống tàu, nhỏ neo sống nốt kiếp bình bồng.

Nhận lấy sứ mệnh làm sáng thiên lương, nho sĩ Tản Đà đã làm một việc trên sức mình. Đó chỉ là một ảo mộng của nhà nho. Gặp những lực lượng tàn phá của đời thực tại, ảo mộng ấy vỡ tan như bóng xà phòng trước gió. Sự tan vỡ này ném nho sĩ Tản Đà từ bên kinh doanh, hoạt động sang trở lại thi ca. Nhưng lần này, réo rất tiếng cầm với một cung điệu khác.

Cung điệu ngông cuồng của một người bất đắc chí. Trong cái ngông này, hàm xúc một buồn não nề thâm – cái buồn của những chiều tàn.

Công danh, sự nghiệp mặc đời

Bên thời be rượu, bên thời bài thơ

V. – NGÔNG VÀ MỘNG

Ở Tản Đà có hai thứ nông: cái nông của nhà nho và cái nông của thi sĩ. Một cái dùng làm phương châm sinh hoạt, một cái dùng làm đề hứng thơ ca. Một cái ứng dụng vào đời, một cái ứng dụng vào mộng. Hai cái giảng nghĩa lẫn nhau, liên kết với nhau, in vào thơ Tản Đà một sắc thái đặc biệt.

Trước hết Tản Đà tiên sinh là một nhà nho. Nhà nho vì di truyền, vì giáo dục, vì hoàn cảnh gia đình. Nhưng tiên sinh là một nhà nho bất đắc chí, thất bại trong cuộc sống. « Mỗi phen ra đời lại một phen thất

bại; mỗi một phen thất bại, đầu tóc lại bạc thêm ». (Giấc mộng lớn) Tiên sinh thất bại vì thiếu tất cả điều kiện để thành công. Hơn nữa, tiên sinh có tất cả điều kiện để làm hỏng việc. Tiên sinh đem tài hoa vào doanh nghiệp. Nhưng bởi quá giàu tự ái, tiên sinh vẫn tin rằng mình có tài chỉ vì không gặp hoàn cảnh thuận tiện nên thất bại. Cái tin ấy là đầu mối của cái ngông. Người ngông, ít nhất, phải tự thấy mình cao hơn đời, giỏi hơn đời. Ngông chỉ là một biến thể của kiêu ngạo. Ngông để mà khinh. Cái ngông này ta đã thấy ở các nhà nho bất đắc chí như Cao Bá Quát, Tú Xương . . .

Tản Đà tiên sinh cũng thuộc về loại nho sĩ ấy. Ở con mắt tiên sinh tất cả đều tầm thường. Tiền tài danh vọng đều vô giá trị. Những cái gì người đời chuộng, tiên sinh khinh. Tiên sinh có phải là người đời đầu. Tiên sinh là một trích tiên! Suốt đời, tiên sinh chỉ khao khát có hai điều: gặp tri

kỷ và gặp giai nhân.

Tri kỷ không gặp, tiên sinh đành nói chuyện với bóng, với ảnh, với.... trời.

Ngồi đây, ta nói sự đời

Ta ngồi ta nói, Bóng ngồi bóng nghe

Cõi đời từ cất tiếng ve

Đã bên ngọn lửa lập lòe có nhau

Tương tri từ ấy về sau

Đôi ta một bước cùng nhau chẳng rời

Bóng nghe bóng cũng gật đầu.

Người đâu cũng giống đa tình

Ngỡ là ai lại là mình với ta

Mình với ta tuy hai như một

Ta với mình sao một mà hai?

*Trời lại phê cho: « Văn thật tuyệt!
Văn trần được thể chắc có ít
Nhời văn chuốt đẹp như sao băng
Khí văn hùng mạnh như mây chuyển
Em như gió thoảng tinh như sương
Đầm như mưa, sa lạnh như tuyết
Chẳng hay văn sĩ tên họ gì
Người ở phương nào ta chưa biết? »
Dạ bẩm lạy Trời con xin thưa
Con tên Khắc Hiếu họ là Nguyễn
Quê ở Á Châu về địa cầu
Sông Đà núi Tản nước Việt Nam »*

Giai nhân không gặp, tiên sinh tạo ra

một cô tình nhân không quen biết, một kỹ nữ tài hoa. (Vân anh).

Câu tri kỷ cùng ai tri kỷ

Chuyện chung tình ai kể chung tình

Bụi hồng văng về mắt xanh

Mình ơi ta nhớ mà mình quên ta

Rồi một lúc ngẫu hứng, tiên sinh kết tình tri kỷ và giai nhân vào một người đẹp rất thông minh: nàng Chu Kiều Oanh. Từ đấy về sau tiên sinh chỉ giao thiệp bằng tinh thần với con người mộng tưởng ấy. Ngoài nàng ra, ai cũng nhỏ bé, ai cũng tục tũ. Mà nàng là ai? Nàng chỉ là tiên sinh vậy. Tinh thần duy ngã độc tôn, ở Tản Đà phát triển đến cực độ. Tiên sinh chỉ nhìn thấy mình, chỉ nói đến mình chỉ ca tụng có mình. Toàn thể văn nghiệp tiên sinh là một tiểu sử trung thành và đầy đủ.

Vì lẽ đó nên Tản Đà tiên sinh ngông mà nhận thức được cái ngông của mình. Ngông một cách sáng suốt và thích chí. Lúc theo quan huyện Tam dương bỏ Vĩnh Yên về Haiphong, tiên sinh viết: « Lạ thay! một kẻ bần nhô không có thước đất nào trước sau đem hơn hai nghìn đồng bạc vừa ăn tiêu vừa sang sửa tô điểm khu đồi ở Định trung, một khi bỏ đó như không, ở mạn rừng lại chòi về mạn bể. Nhân sinh phù thế, bặt mồm ai, ai dễ nhin cười chẳng? »

Hình như tiên sinh lấy làm khoái lắm khi thấy thiên hạ cười mình là ngông cuồng, rõ đại. Viết đến đây tôi lại nhớ đến Beaudelaire. Bình sinh, chỉ làm toàn những việc, nói toàn những câu ra ngoài lẽ thường. Và mỗi lần như thế, lại hỏi một người có mặt: « Ông ngạc nhiên lắm có phải không? » Câu hỏi này mô tả đầy đủ cái sung sướng kỳ quặc của thi sĩ. Làm người khác ngạc nhiên vì mình chẳng phải là mục đích của

thi sĩ đó sao?

Với ít suồng sã và trơ tráo hơn. Tản Đà tiên sinh cũng có tâm lý ấy của Beaudelaire. Tâm lý một người nông có ý thức. Mỗi lần thất bại, tiên sinh lại nông thêm một ít. Cái nông này chính là nguyên nhân của cái thất bại sau. Và đời tiên sinh cứ như thế ... Rút cục, nông thành một triết lý của kẻ chiến bại tự trọng, Hơn nữa, nó thành một bản ngã thứ hai của Nguyễn Khắc Hiếu tiên sinh. Nó là dấu hiệu của tài hoa.

Cái nông của thi sĩ chỉ là cái nông của nhà nho, nhìn ở một cạnh khác. Nhà nho nông để tự hào. Thi sĩ nông để giải thoát.

Một lần nói truyện với tiên sinh tôi có hỏi:

– Thưa cụ, trong các bài thơ cụ đã làm, cụ có thể cho biết cụ thích bài nào nhất?

Không suy nghĩ, tiên sinh trả lời ngay:

– Tôi thích nhất bài ca làm trong tập
Giấc mộng con thứ hai để Tây thi hát.

Rồi tiên sinh ngâm, sáng khoái:

Non xanh xanh

Nước xanh xanh

Nước non như vẽ bức tranh tình

Non nước tan tành

Giọi lụy chàn năm canh!

Đêm năm canh,

Lụy năm canh,

Nỗi niềm non nước

Đố ai quên cho đành?

Quên sao đành?

Nhớ sao đành?

Trần hoàn xa cách

Bồng lai non nước xanh xanh!

Ngâm xong, tiên sinh giải thích:

– Ông tính, Chiêu Quân đánh tỳ bà, Dương quý Phi say rượu đứng dậy múa. Tây thi cất giọng hát mà mình ngồi nghe thì còn gì khoái hơn nữa! Bấy giờ mình cử tưởng mình chính là Đường minh Hoàng trong cung điện đang cùng mỹ nhân thưởng thức điệu Nghệ thường.

Tiên sinh cười lớn, kết luận:

– Nghĩ lúc ấy thật cũng sướng cho cái đời văn sĩ của mình!

Câu truyện này đủ chứng thực rằng, Tản Đà thi sĩ chỉ mượn những mộng văn chương để sống cái ngông vô biên của mình và dùng cái ngông vô biên ấy để thỏa mãn

một nhu cầu giải thoát. Mấy lần mộng, mấy lần lên trời, gửi thư lên cung trăng hỏi chị Hằng làm vợ . . . tất cả những hành vi văn chương ấy chỉ là những mộng để tiên sinh vượt khỏi thực tế. Ở thực tế, mình nhỏ thì phải tạo ra mộng để thành lớn.

Thế thôi!

Cho nên, mộng Tản Đà mặc áo thơ mà thiếu chất thơ. Nó là sản vật của trí tưởng tượng hơn là bản thể của tâm hồn. Trong thai nghén của mộng, vẫn có cái ngông của nhà nho thất thế.

* * *

Tôi nói: nhà nho và tôi dụng tâm nhắc đi nhắc lại danh từ ấy. Vì tôi nhận thấy rằng Tản Đà tiên sinh là nho sĩ hơn là thi sĩ, là nho sĩ tài hoa hơn là nho sĩ chính thống. Tiên sinh ngông hay mộng cũng vẫn giữ cốt cách nho gia.

Một lần, vào khoảng 1926, Nguyễn Thái Học, nguyên lãnh tụ đảng Việt Nam quốc dân, nhờ một người bạn giới thiệu làm quen với Tiên sinh. Hồi đó, nhà nho của chúng ta đang nằm ở Vinh, sau lúc Annam tạp chí đình bản. Nguyễn Thái Học vào thăm tiên sinh mục đích yêu cầu tiên sinh cho tái bản Annam tạp chí, bao nhiêu tiền, bài vở ông và các bạn đảm lĩnh hết. Tiên sinh cũng ưng thuận vui vẻ lắm. Câu chuyện bàn trong tiệc rượu. Lúc chủ và khách ngà ngà say, Nguyễn Thái Học mới ngỏ ý muốn tiên sinh viết sự nhượng quyền biên tập Annam tạp chí thành giấy tờ dứt khoát. Đó chỉ là tính cẩn thận trong công việc. Không ngờ vì thế mà tiên sinh hết sức bất bình, bảo Nguyễn Thái Học: « Thế tức là ông không biết tôi. Ông không hiểu thì hợp tác thế nào được ». Rồi tiên sinh bỏ rượu, ăn cơm, vào nhà trong nằm nghỉ.

Hắn có người ngạc nhiên về thái độ của tiên sinh đối với khách. Nhưng nếu ta hiểu tiên sinh hơn nữa, ta sẽ thấy rằng hành vi ấy tất nhiên phải có. Đối với một nhà nho, sự thủ tín là một đức tính không thể thiếu được. Bắt làm giao kèo tức là không tin ở lòng bền vững của nhau. Một nhà nho không nổi giận sao được! Nhưng nếu tiên sinh là nhà nho thuần túy thì tiên sinh phải giấu cái giận đi rồi tìm cơ mà từ chối sự hợp tác. Như vậy mới phải phép xử thế của người quân tử. Đằng này bỏ khách không tiếp để lộ cái nộ khí của mình, tiên sinh đã tỏ ra một nhà nho phóng đãng không chịu đóng khung thất tình vào những lễ nghi thông dụng. Tiên sinh là một kẻ tài hoa lạc bước vào sân Trình của Khổng.

Đời và thơ Tản Đà đặc sắc và có ý nghĩa ở những lạc bước tiền định ấy.

KẾT LUẬN

Trong người Tản Đà có ba yếu tố tinh thần:

- 1) Bản chất épicurien (thờ khoái lạc)
- 2) Di truyền nho giáo
- 3) Tập quán lãng mạn

Tiên sinh hưởng cuộc đời theo chủ não người épicurien, hành động theo hoài bão một nhà nho, xử thế theo cốt cách người lãng mạn. Ba yếu tố ấy kết hợp lại thành cái nông vô biên của tiên sinh. Rồi suốt đời, tiên sinh chỉ lấy mộng để sống cái nông ấy. Nhưng trong mộng và nông, ta đều

nhận được một buồn bã nặng nề. Đó là cái buồn của những kẻ tài hoa sống trên đời như một khách lữ hành, không tin tưởng, không hy vọng. Đã coi cuộc thế như một giấc mộng, đã coi sự vật toàn là ảo ảnh, thì còn tin tưởng làm sao được, hy vọng làm sao được?

Đời và thơ Tản Đà phù phiếm ngang nhau. không có gì sâu sắc. không có gì lớn lao, không có gì bay bổng. Nói vậy không phải bảo đời và thơ tiên sinh không lý thú. Trái lại.

Để kết luận quyển nghiên cứu nhỏ này, tôi nhắc lại:

1) Tản Đà tiên sinh, vì bản chất, vì di truyền, không phải là một thi nhân thuần túy.

2) Tiên sinh chỉ là một người thờ khoái lạc, một kẻ tài hoa lạc vào địa hạt thi ca.

3) Phát hiện tuyệt đối của cốt cách tài hoa ấy là cái ngông của tiên sinh.

4) Phạm vi thực hiện được chu đáo cái ngông ấy là cõi mộng văn chương.

5) Thơ Tản Đà chỉ là biểu thị lỗi lạc của những trạng thái tâm lý phức tạp ấy.

Độc tới đây, các bạn hẳn đã hiểu rõ tâm hồn Tản Đà tiên sinh. Các bạn cũng đã thấy địa vị tiên sinh trong văn học sử hiện đại. Chỉ còn một điều tôi chưa đem bàn luận cùng các bạn là nghệ thuật làm thơ của tiên sinh. Tôi hẹn các bạn đến một quyển sách khác.

Viết trong tháng Janvier 1939

GIẤY MUA NĂM

Tên tôi là

ở

nhận mua hàng năm những sách của
Đại Đồng thư xã xuất bản trong năm 1939,
gồm có 12 quyển, giá là 1\$80 và xin gửi
kèm theo đây một ngân phiếu số

..... ngày 1939

Ký tên

Thư và ngân phiếu gửi cho:

M. TRƯỞNG LÂM

ĐẠI ĐỒNG THƯ XÃ

56 – Rue Tiên - Tsin – Hanoi

N. B. – Sách gửi đến người mua, tiền bưu
phí về phần bản thư xã chịu.

ĐẠI ĐỒNG THƯ XÃ
DƯỚI QUYỀN GIÁM ĐỐC CỦA
TRƯỞNG TỬU

✱

Nghiên cứu các vấn đề từ ngữ văn
chương, triết học, sử ký,

✱

Phổ thông các khoa chính trị, kinh tế, xã
hội học ...

✱

Vun xới quốc văn và gây dựng một văn
chương tranh đấu.

✱

Làm thẳng chủ nghĩa xã hội trong tư
tưởng giới Việt Nam.

✱

Thảo luận các vấn đề xã hội quan hệ đến
các giai cấp . . .

✱

Mỗi tháng xuất bản một quyển loại nhỏ

Giá: 0\$15

Ba tháng xuất bản một quyển đặc biệt

✱

Ai muốn giao dịch xin gửi thư từ về:

Ô. TRƯƠNG LÂM

Nhà xuất bản Đại đồng

55, Rue Tiên - Tsin HANOI

Imp. Thuy Ky Hanoi

